

TCVN

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

TCVN 1455 - 1993

CHÈ XANH

HÀ NỘI - 1993

LỜI NÓI ĐẦU

TCVN 1455 - 1993 thay thế cho TCVN 1455 - 83.

TCVN 1455 - 1993 do Ban kỹ thuật Thực phẩm biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng đề nghị và được Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường ban hành theo Quyết định số 212/QĐ ngày 12 tháng 5 năm 1993.

CHÈ XANH

Green tea

Tiêu chuẩn này áp dụng cho chè xanh rời, được sản xuất từ chè xanh đợt tươi theo phương pháp:

Diệt men - Vò - Sấy (hoặc sao khô) - Phân loại.

1. PHÂN LOẠI

Chè xanh được sản xuất theo các loại :

Đặc biệt, OP, P, BP, BPS, F.

2. YÊU CẦU KỸ THUẬT

- 2.1. Các chỉ tiêu cảm quan của chè theo bảng 1.
- 2.2. Các chỉ tiêu hóa lý của chè phải phù hợp với các yêu cầu qui định trong bảng 2.
- 2.3. Các chỉ tiêu vệ sinh theo qui định của Bộ Y tế.

3. PHƯƠNG PHÁP THỬ

- 3.1. Nguyên tắc nghiệm thu và phương pháp lấy mẫu theo TCVN 5609-1991.
- 3.2. Xác định các chỉ tiêu cảm quan theo TCVN 3218-1993.
- 3.3. Xác định hàm lượng chất tan theo TCVN 5610-1991.
- 3.4. Xác định hàm lượng tro chung theo TCVN 5611-1991.
- 3.5. Xác định tro không tan trong axit theo TCVN 5612-1991.
- 3.6. Xác định độ ẩm theo TCVN 5613-1991.
- 3.7. Xác định hàm lượng sắt theo TCVN 5614-1991.
- 3.8. Xác định hàm lượng tạp chất lạ theo TCVN 5615-1991.
- 3.9. Xác định hàm lượng vụn bụi theo TCVN 1456-83.
- 3.10. Xác định hàm lượng chất xơ theo TCVN 5714-1993.

4. BAO GÓI, BẢO QUẢN, VẬN CHUYỂN, GHI NHÃN THEO TCVN 1457-83

Bảng 1

Tên chỉ tiêu Loại chè	Ngoại hình	Màu nước	Hương	Vị
Đặc biệt	Màu xanh tự nhiên, cánh chè dài, xoắn đều non, có tuyết.	Xanh vàng trong sáng	Thơm mạnh tự nhiên thoáng cốm	Dậm dịu có hậu ngọt
OP	Màu xanh tự nhiên, cánh chè dài xoắn tương đối đều.	Vàng xanh sáng	Thơm tự nhiên tương đối mạnh.	Chát dậm, dịu dễ chịu
P	Màu xanh tự nhiên, cánh chè ngắn hơn OP, tương đối xoắn thoáng cặng.	Vàng sáng	Thơm tự nhiên	Chát tương đối dịu, có hậu
BP	Màu xanh tự nhiên, mảnh nhỏ hơn chè P tương đối non đều.	Vàng tương đối sáng	Thơm tự nhiên, ít đặc trưng	Chát tương đối dịu, có hậu
BPS	Màu vàng xanh xám, mảnh nhỏ tương đối đều, nhỏ hơn BP	Vàng hơi dậm	Thơm vừa thoáng hăng già	Chát hơi xít
F	Màu vàng xám, nhỏ tương đối đều	Vàng dậm	Thơm nhẹ	Chát dậm xít

Bảng 2

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Hàm lượng chất tan, %, không nhỏ hơn	34
2. Hàm lượng tanin, %, không nhỏ hơn	20
3. Hàm lượng cafein, %, không nhỏ hơn	2
4. Hàm lượng chất xơ, %, không nhỏ hơn	16,5
5. Hàm lượng tro tổng số, %	từ 4 - 8
6. Hàm lượng tro không tan trong axit, %, không lớn hơn	1
7. Hàm lượng tạp chất lạ (không tính tạp chất sắt), %, không lớn hơn	0,3
8. Hàm lượng tạp chất sắt, %, không lớn hơn	0,001
9. Độ ẩm, %, không lớn hơn	7,5
10. Hàm lượng vụn, %, không lớn hơn	
Chè đặc biệt, OP, P	3
Chè BP, BPS	10
11. Hàm lượng bụi, %, không lớn hơn	
Chè đặc biệt, OP, P	0,5
Chè BP, BPS	1
Chè F	5